

STRÖMAN

Đang Cấp Đức. Sức Sống Mới

**BẢNG GIÁ KHUYẾN NGHỊ NGƯỜI TIÊU DÙNG
ỐNG NHỰA HDPE - PE80 STROMAN****Tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007**

(Áp dụng từ ngày 15/04/2026 tại Miền Bắc)

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Á Đại Thành gửi tới Quý khách hàng lời chào trân trọng.

Chúng tôi hân hạnh gửi tới Quý khách hàng **Bảng giá Ống nhựa HDPE - PE80 STROMAN** như sau:

TT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	CHIỀU DÀY (mm)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) ĐIỀU CHỈNH	
					TRƯỚC VAT	SAU VAT
	ỐNG HDPE 80					
1	20	6	1.0	m	7,583	8,189
2	20	8	1.2	m	8,497	9,177
3	20	10	1.5	m	11,112	12,001
4	20	12.5	2.0	m	12,300	13,284
5	20	16	2.3	m	14,800	15,984
6	25	6	1.2	m	11,112	12,001
7	25	8	1.5	m	14,381	15,531
8	25	10	2.0	m	16,000	17,280
9	25	12.5	2.3	m	18,700	20,196
10	25	16	3.0	m	22,300	24,084
11	32	6	1.6	m	19,609	21,178
12	32	8	2.0	m	21,900	23,652
13	32	10	2.4	m	25,500	27,540
14	32	12.5	3.0	m	30,700	33,156
15	32	16	3.6	m	36,800	39,744
16	40	6	2.0	m	27,100	29,268
17	40	8	2.4	m	32,600	35,208
18	40	10	3.0	m	39,500	42,660
19	40	12.5	3.7	m	47,400	51,192
20	40	16	4.5	m	56,300	60,804
21	50	6	2.4	m	42,000	45,360
22	50	8	3.0	m	50,800	54,864
23	50	10	3.7	m	60,700	65,556
24	50	12.5	4.6	m	73,400	79,272
25	50	16	5.6	m	87,000	93,960
26	63	6	3.0	m	64,900	70,092
27	63	8	3.8	m	80,800	87,264
28	63	10	4.7	m	96,900	104,652
29	63	12.5	5.8	m	116,800	126,144



Jm

TT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	CHIỀU DÀY (mm)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) ĐIỀU CHỈNH	
					TRƯỚC VAT	SAU VAT
30	63	16	7.1	m	138,546	149,630
31	75	6	3.6	m	92,200	99,576
32	75	8	4.5	m	114,400	123,552
33	75	10	5.6	m	138,500	149,580
34	75	12.5	6.8	m	163,200	176,256
35	75	16	8.4	m	196,300	212,004
36	90	6	4.3	m	148,300	160,164
37	90	8	5.4	m	165,629	178,879
38	90	10	6.7	m	196,300	212,004
39	90	12.5	8.2	m	234,800	253,584
40	90	16	10.1	m	281,900	304,452
41	110	6	5.3	m	195,600	211,248
42	110	8	6.6	m	240,700	259,956
43	110	10	8.1	m	296,600	320,328
44	110	12.5	10.0	m	351,500	379,620
45	110	16	12.3	m	426,600	460,728
46	125	6	6.0	m	252,100	272,268
47	125	8	7.4	m	307,700	332,316
48	125	10	9.2	m	378,400	408,672
49	125	12.5	11.4	m	457,400	493,992
50	125	16	14.0	m	546,800	590,544
51	140	6	6.7	m	313,200	338,256
52	140	8	8.3	m	385,900	416,772
53	140	10	10.3	m	471,900	509,652
54	140	12.5	12.7	m	564,200	609,336
55	140	16	15.7	m	683,300	737,964
56	160	6	7.7	m	411,500	444,420
57	160	8	9.5	m	503,300	543,564
58	160	10	11.8	m	618,900	668,412
59	160	12.5	14.6	m	741,600	800,928
60	160	16	17.9	m	896,800	968,544
61	180	6	8.6	m	517,600	559,008
62	180	8	10.7	m	638,300	689,364
63	180	10	13.3	m	782,600	845,208
64	180	12.5	16.4	m	940,600	1,015,848
65	180	16	20.1	m	1,133,400	1,224,072
66	200	6	9.6	m	643,300	694,764
67	200	8	11.9	m	793,100	856,548
68	200	10	14.7	m	974,200	1,052,136
69	200	12.5	18.2	m	1,160,400	1,253,232

HUY

 ANADA
 TT
 D.N: C

pm

TT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	CHIỀU DÀY (mm)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) ĐIỀU CHỈNH	
					TRƯỚC VAT	SAU VAT
70	200	16	22.4	m	1,409,800	1,522,584
71	225	6	10.8	m	811,100	875,988
72	225	8	13.4	m	1,001,500	1,081,620
73	225	10	16.6	m	1,203,200	1,299,456
74	225	12.5	20.5	m	1,451,400	1,567,512
75	225	16	25.2	m	1,743,900	1,883,412
76	250	6	11.9	m	992,300	1,071,684
77	250	8	14.8	m	1,230,700	1,329,156
78	250	10	18.4	m	1,487,900	1,606,932
79	250	12.5	22.7	m	1,814,900	1,960,092
80	250	16	27.9	m	2,154,100	2,326,428
81	280	6	13.4	m	1,248,700	1,348,596
82	280	8	16.6	m	1,545,100	1,668,708
83	280	10	20.6	m	1,866,300	2,015,604
84	280	12.5	25.4	m	2,274,500	2,456,460
85	280	16	31.3	m	2,698,700	2,914,596
86	315	6	15.0	m	1,569,600	1,695,168
87	315	8	18.7	m	1,955,800	2,112,264
88	315	10	23.2	m	2,361,300	2,550,204
89	315	12.5	28.6	m	2,843,000	3,070,440
90	315	16	35.2	m	3,433,200	3,707,856
91	355	6	16.9	m	2,007,900	2,168,532
92	355	8	21.1	m	2,464,900	2,662,092
93	355	10	26.1	m	2,997,800	3,237,624
94	355	12.5	32.2	m	3,607,500	3,896,100
95	355	16	39.7	m	4,358,100	4,706,748
96	400	6	19.1	m	2,529,900	2,732,292
97	400	8	23.7	m	3,147,800	3,399,624
98	400	10	29.4	m	3,811,500	4,116,420
99	400	12.5	36.3	m	4,578,400	4,944,672
100	400	16	44.7	m	5,544,500	5,988,060
101	450	6	21.5	m	3,229,300	3,487,644
102	450	8	26.7	m	3,958,500	4,275,180
103	450	10	33.1	m	4,826,300	5,212,404
104	450	12.5	40.9	m	5,786,400	6,249,312
105	450	16	50.3	m	7,005,200	7,565,616
106	500	6	23.9	m	3,950,100	4,266,108
107	500	8	29.7	m	4,919,100	5,312,628
108	500	10	36.8	m	5,985,100	6,463,908
109	500	12.5	45.4	m	7,198,500	7,774,380

AN
THAI
IP
3156

TT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	CHIỀU DÀY (mm)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ) ĐIỀU CHỈNH	
					TRƯỚC VAT	SAU VAT
110	500	16	55.8	m	8,680,900	9,375,372
111	560	6	26.7	m	5,415,700	5,848,956
112	560	8	33.2	m	6,649,300	7,181,244
113	560	10	41.2	m	8,116,100	8,765,388
114	560	12.5	50.8	m	9,803,200	10,587,456
115	630	6	30.0	m	6,842,700	7,390,116
116	630	8	37.4	m	8,422,000	9,095,760
117	630	10	46.3	m	10,258,200	11,078,856
118	630	12.5	57.2	m	11,646,800	12,578,544
119	710	6	33.9	m	8,724,806	9,422,790
120	710	8	42.1	m	10,702,852	11,559,080
121	710	10	52.2	m	13,051,760	14,095,900
122	710	12.5	64.5	m	15,800,898	17,064,970
123	800	6	38.1	m	11,058,908	11,943,620
124	800	8	47.4	m	13,571,760	14,657,500
125	800	10	58.8	m	13,939,491	15,054,650

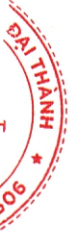
ÔNG NHỰA STROMAN - ĐỘ BỀN LÝ TƯỞNG TỪ CHUYÊN GIA ĐỨC

Mọi chi tiết Quý khách hàng vui lòng truy cập

Website: www.stroman.vn hoặc liên hệ các Cửa hàng chính thức của Công ty



GIÁM ĐỐC *me*



NGUYỄN TUẤN NGỌC